

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2022/HS-ST
Ngày: 16-9-2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Triệu Quốc Hiếu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cơ Ba

Ông Huỳnh Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc** – Thư ký TAND huyện Vũng Liêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thái Dương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2022/TLST-HS, ngày 08 tháng 6 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Dương Chí H, sinh ngày 22/8/1997; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Dương Văn D, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964; anh ruột có 01 người sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Thanh T, sinh năm 1977; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Võ Văn V (chết) và bà Thạch Thị N (chết); vợ Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1981; con có 02 người, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002; chị, em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1963, nhỏ nhất sinh năm 1979; tiền án: không; tiền sự: 01 tiền sự. Ngày 03/02/2021, bị Công an xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ra quyết định xử phạt hành chính với số tiền là 2.000.000đ, về hành vi đánh bạc trái phép. Đã nộp phạt xong; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

3. **Phạm Trường A**, sinh ngày 01/01/1993; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn C, sinh năm 1964 và bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1966; vợ là Lê Thị Hồng T, sinh năm 1999; con có 01 người sinh năm 2019; anh, chị ruột có 02 người, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

4. **Trần Quốc B**, sinh ngày 17/6/2005; giới tính: Nam; nơi cư trú: khóm 6, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Văn T, sinh năm 1983 và bà Phạm Cẩm T, sinh năm 1986; em ruột có 01 người sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo có được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Quốc B có bà Phạm Cẩm T, sinh năm 1986; nơi cư trú: khóm 6, thị trấn C, M, Vĩnh Long (xin vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo có ông Trần Văn Mười là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

5. **Đặng Hoàng C**, sinh ngày 02/8/1994; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: buôn bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Đặng Long M, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; vợ là Phạm Thị H, sinh năm 1997; con có 01 người sinh năm 2020; em ruột có 01 người sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

6. **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1958; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: không biết chữ; nghề nghiệp: chăn nuôi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1935; vợ là Đặng Thị Bé B, sinh năm 1961; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1983; anh, em ruột có 09 người, lớn nhất sinh năm 1952, nhỏ nhất sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

7. **Nguyễn Văn H (B)**, sinh năm 1961; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp T 1, xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 1/12; nghề nghiệp: chăn nuôi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: đạo Phật; con ông Nguyễn Văn A (chết) và bà Đinh Thị T (chết); vợ là Nguyễn Thị E, sinh năm 1960; con có 04 người, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

8. **Đặng Văn Tuấn K**, sinh ngày 10/10/1997; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: bảo vệ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Đặng Văn N, sinh năm 1961 và bà Thạch Thị H, sinh năm 1962; anh, chị ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

9. **Trương Hoài N**, sinh ngày 14/12/1997; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trương Văn H, sinh năm 1978 và bà Đặng Thị C, sinh năm 1978; vợ là Lý Thị Thanh N, sinh năm 1992; em ruột có 01 người sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

10. **Phạm Nhựt Q (N)**, sinh ngày 20/12/1995; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: buôn bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn T E, sinh năm 1968 và bà Lý Ngọc Kim Hg, sinh năm 1974; vợ là Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1991; em ruột có 01 người sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

11. **Phạm Văn S (M)**, sinh năm 1970; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: chăn nuôi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn M (chết) và bà Văn Kim S, sinh năm 1941; vợ là Đặng Thị V, sinh năm 1968; con có 02 người, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2000; anh, em ruột có 07 người, lớn nhất sinh năm 1962, nhỏ nhất sinh năm 1980; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

12. **Phạm Văn T**, sinh năm 1974; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: buôn bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn M (chết) và bà Văn Kim S, sinh năm 1941; vợ là Lê Thị H, sinh năm 1975; con có 02 người, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2006; anh, em ruột có 07 người, lớn nhất sinh năm 1962, nhỏ nhất sinh năm 1980; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

13. **Phạm Công T**, sinh năm 1989; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: tài xế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phạm Văn C, sinh năm 1964 và bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1966; chị, em ruột có 02 người, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

14. **Đặng Văn T**, sinh ngày 19/7/1995; giới tính: Nam; nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Đặng Văn N, sinh năm 1961 và bà Thạch Thị H, sinh năm 1962; chị, em ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo được cho tại ngoại và hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng:

Phạm Văn A, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 06/01/2022, Phạm Văn S điện thoại rủ nhóm của Võ Thanh T gồm: Võ Thanh T, Dương Chí H, Phạm Trường A, Phạm Công T, Đặng Văn T, Trương Hoài N, Đặng Văn Tuấn K, Trần Quốc B, đá gà thắng thua bằng tiền với nhóm của Sáu gồm: Phạm Văn S, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Đặng Hoàng C, Phạm Nhựt Q; T đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày, Phạm Văn S và Võ Thanh T cùng những người trên tập trung tại đất vườn nhà của ông Phạm Văn A tại ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, để cá độ đá gà. S đem con gà trống nòi lông màu đỏ đen, cân nặng 2,9kg của Phạm Văn T cá độ đá với con gà trống nòi lông màu đỏ đen, cân nặng 3,2kg của Võ Thanh T cho Dương Chí H mượn đá. Cả hai bên thống nhất đá trong sổ với số tiền là 5.000.000đ. Do con gà của T nặng hơn gà của T, nên hai bên thỏa thuận đá 10 ăn 7 cụ thể: Nếu bên gà của T thắng thì ăn số tiền là 3.500.000đ, còn thua thì chung đủ số tiền là 5.000.000đ, không đá xác gà. Nhóm của T tham gia như sau: Dương Chí H tham gia số tiền là 1.250.000đ, Phạm Trường A tham gia số tiền là 500.000đ, Phạm Công T tham gia số tiền 1.050.000đ, Đặng Văn T tham gia số tiền là 500.000đ, Trương Hoài N tham gia số tiền là 1.000.000đ, Đặng Văn Tuấn K tham gia số tiền là 500.000đ, Trần Quốc B tham gia số tiền là 200.000đ; tổng cộng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Nhóm của S tham gia như sau: Phạm Văn S tham gia số tiền là 700.000đ, Phạm Văn T tham gia số tiền 700.000đ, Nguyễn Văn H tham gia số tiền là 700.000đ, Nguyễn Văn H tham gia số tiền là 700.000đ, Đặng Hoàng C tham gia số tiền là 350.000đ, Phạm Nhựt Q tham gia số tiền là 350.000đ; tổng cộng là 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Bên gà của Trà do H ôm gà cho T trông cựa và thả gà, bên gà của Sáu do C ôm gà cho T trông cựa và thả gà; độ gà không có ai làm trọng tài hay làm biện gà. Sau khi hai bên cùng thả gà được khoảng 02 phút thì gà của T chết, nên bên gà của T thua độ. H gom tiền đủ 5.000.000đ và đưa cho S; S chia tiền cho những người tham gia. H kêu S đưa lại 250.000đ tiền cân và băng keo. Khi cả nhóm người tham gia đá gà ra về thì bị Công an xã Tân Quới Trung phát hiện và mời về trụ sở làm việc; tại đây những người trên đã thừa nhận toàn bộ hành vi.

Qua điều tra, Dương Chí H nộp lại số tiền 250.000đ, Phạm Văn S nộp lại số tiền là 700.000đ, Nguyễn Văn H nộp lại số tiền 1.700.000đ, Phạm Văn T nộp lại số tiền 750.000đ, Phạm Nhựt Q nộp lại số tiền 800.000đ, Nguyễn Văn H nộp lại số tiền 1.200.000đ.

Vật chứng thu giữ: 05 cặp cửa sắt, 01 cân đồng hồ loại 05kg, 03 điện thoại di động, 05 xe mô tô, số tiền thu giữ của những người trên là 30.050.000đ.

Cáo trạng số: 31/CT-VKSHVL ngày 07/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm đã truy tố Dương Chí H, Võ Thanh T, Phạm Trường A, Phạm Công T, Đặng Văn T, Trương Hoài N, Đặng Văn Tuấn K, Trần Quốc B, Phạm Văn S, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Đặng Hoàng C, Phạm Nhựt Q về tội: Đánh bạc; theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với Dương Chí H, Võ Thanh T, Phạm Trường A, Phạm Công T, Đặng Văn T, Trương Hoài N, Đặng Văn Tuấn K, Trần Quốc B, Phạm Văn S, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Đặng Hoàng C, Phạm Nhựt Q; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để tuyên phạt Dương Chí H mức án tù từ 09 tháng tù đến 01 năm tù.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để tuyên phạt Võ Thanh T mức án tù từ 03 tháng tù đến 06 tháng tù.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để tuyên phạt Phạm Trường A mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để tuyên phạt Phạm Công T mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để tuyên phạt Đặng Văn T mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để tuyên phạt Trương Hoài N mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để tuyên phạt Đặng Văn Tuấn K mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 100 của Bộ luật Hình sự, để tuyên phạt Trần Quốc B mức án tù từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để tuyên phạt Phạm Văn S mức án tù từ 09 tháng tù đến 01 năm tù.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để tuyên phạt Phạm Văn T mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để tuyên phạt Nguyễn Văn H mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để tuyên phạt Nguyễn Văn H mức án tù từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để tuyên phạt Đặng Hoàng C mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để tuyên phạt Phạm Nhựt Q mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 05 cặp cựa sắt, 01 cân đồng hồ loại 05kg.

Đề nghị trả lại cho các bị cáo: Đặng Hoàng C 01 điện thoại di động hiệu OPPO, Phạm Trường A 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng đen. Đề nghị tịch thu sung vào công quỹ 01 điện thoại di động hiệu Samsung của Võ Thanh T.

Đề nghị trả lại cho các bị cáo: Phạm Văn Sáu 01 xe mô tô biển số 64M1-4370; Phạm Văn T 01 xe mô tô biển số 64F9-0922; Võ Thanh T 01 xe mô tô biển số 64B1-754.92; Phạm Trường A 01 xe mô tô biển số 64D1-328.65; Đặng Hoàng C 01 xe mô tô biển số 64DB-000.49.

Đề nghị tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 8.250.000đ, trong đó: Dương Chí H số tiền 250.000đ, Phạm Văn S số tiền 1.700.000đ, Đặng Hoàng C số tiền 850.000đ, Phạm Văn T số tiền 1.750.000đ, Nguyễn Văn H số tiền 1.700.000đ, Phạm Nhựt Q số tiền 800.000đ, Nguyễn Văn H số tiền 1.200.000đ.

Đề nghị trả lại cho Phạm Văn T số tiền 20.400.000đ, Phạm Trường A số tiền 700.000đ, Võ Thanh T số tiền 150.000đ, Đặng Hoàng C số tiền 550.000đ.

Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp số tiền 500.000đ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc B:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Quốc B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên,...nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo ở khung hình phạt nhẹ nhất.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin được giảm nhẹ hình phạt tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Dương Chí H, Võ Thanh T, Phạm Trường A, Phạm Công T, Đặng Văn T, Trương Hoài N, Đặng Văn Tuấn K, Trần Quốc B, Phạm Văn S, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Đặng Hoàng C, Phạm Nhựt Q đã thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như Cáo trạng

Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; các bị cáo xác định không khiếu nại đối với quá trình tiến hành tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của điều tra viên, kiểm sát viên và lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung hay dùng nhục hình. Do đó, hành vi và các chứng cứ, tài liệu của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, qua lời khai của các bị cáo đã thể hiện: Khoảng 10 giờ ngày 06/01/2022, Phạm Văn Sáu điện thoại rủ nhóm của Võ Thanh T gồm: Võ Thanh T, Dương Chí H, Phạm Trường A, Phạm Công T, Đặng Văn T, Trương Hoài N, Đặng Văn Tuấn K, Trần Quốc B, đá gà thắng thua bằng tiền với nhóm của S gồm: Phạm Văn S, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Đặng Hoàng C, Phạm Nhựt Q. Sau đó, những người trên tập trung tại đất vườn nhà của ông Phạm Văn A tại ấp Qu, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, để cấp độ đá gà. Sáu đem con gà trống nòi lông màu đỏ đen, cân nặng 2,9kg của Phạm Văn T cấp độ đá với con gà trống nòi lông màu đỏ đen, cân nặng 3,2kg của Võ Thanh T cho Dương Chí H mượn đá. Số tiền cấp độ đá gà của những người trên là 8.500.000đ. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội: Đánh bạc; theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo thừa nhận hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật tham gia sát phạt nhau chỉ vì lợi ích cá nhân. Hành vi của các bị cáo gây mất an ninh, trật tự tại địa phương, do đó đối với các bị cáo cần xử lý nghiêm để phòng ngừa chung cho xã hội.

Bị cáo Phạm Văn S là người điện thoại rủ rê, bị cáo Võ Thanh T cùng các bị cáo khác tham gia đá gà thắng thua bằng tiền, nên mức hình phạt phải cao hơn các bị cáo khác.

Đối với bị cáo Võ Thanh T và bị cáo Dương Chí H sau khi được bị cáo Phạm Văn S điện thoại rủ đá gà thắng thua bằng tiền đã tích cực kiếm gà, điện thoại cho các bị cáo khác cùng tham gia, nên đối với các bị cáo cần xử lý nghiêm.

Đối với các bị cáo Phạm Trường A, Phạm Công T, Đặng Văn T, Trương Hoài N, Đặng Văn Tuấn K, Trần Quốc B, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Đặng Hoàng C, Phạm Nhựt Q sau khi được rủ rê đã tích cực tham gia cùng các bị cáo Phạm Văn S, Võ Thanh T, Dương Chí H đá gà thắng thua bằng tiền, nên đối với các bị cáo cần có hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo và ngăn ngừa phòng ngừa chung.

[3] Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo Dương Chí H, Võ Thanh T, Phạm Trường A, Phạm Công T, Đặng Văn T, Trương Hoài N, Đặng Văn Tuấn K, Trần Quốc B, Phạm Văn S, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Đặng Hoàng C, Phạm Nhựt Q đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Văn H là người cao tuổi; các bị cáo Dương Chí H, Phạm Trường A, Phạm Công T,

Đặng Văn T, Trương Hoài N, Đặng Văn Tuấn K, Trần Quốc B, Phạm Văn S, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Đặng Hoàng C, Phạm Nhật Q đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nên xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định, kinh tế khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Đối với bị cáo B được miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập.

[5] Về vật chứng:

Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, vật chứng gồm: 05 cặp cửa sắt, 01 cân đồng hồ loại 05kg, 03 điện thoại di động, 05 xe mô tô, tiền Việt Nam là 30.050.000đ.

Đối với 05 cặp cửa sắt, 01 cân đồng hồ loại 05kg cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 03 điện thoại di động của các bị cáo: Đặng Hoàng C, Phạm Trường A, do không có liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho các bị cáo: Đặng Hoàng C 01 điện thoại di động hiệu OPPO, Phạm Trường A 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng đen. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung của Võ Thanh T sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

Đối với 05 xe mô tô gồm: Phạm Văn S 01 xe mô tô biển số 64M1-4370; Phạm Văn T 01 xe mô tô biển số 64F9-0922; Võ Thanh T 01 xe mô tô biển số 64B1-754.92; Phạm Trường A 01 xe mô tô biển số 64D1-328.65; Đặng Hoàng C 01 xe mô tô biển số 64DB-000.49. Do không có liên quan trong vụ án, nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền 30.050.000đ, trong đó: Số tiền 8.250.000đ của các bị cáo: Dương Chí H số tiền 250.000đ, Phạm Văn S số tiền 1.700.000đ, Đặng Hoàng C số tiền 850.000đ, Phạm Văn T số tiền 1.750.000đ, Nguyễn Văn H số tiền 1.700.000đ, Phạm Nhật Q số tiền 800.000đ, Nguyễn Văn H số tiền 1.200.000đ, được sử dụng để đánh bạc, nên cần tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước. Đối với Phạm Văn T số tiền là 20.400.000đ, Phạm Trường A số tiền là 700.000đ, Võ Thanh T số tiền là 150.000đ, Đặng Hoàng C số tiền là 550.000đ, đây là tiền riêng của các bị cáo, nên cần trả lại.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp số tiền 500.000đ để sung vào công quỹ Nhà nước.

[6] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các chứng cứ được đưa ra thẩm tra tại phiên tòa, đã đánh giá đúng hành vi, tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo. Về đề nghị mức hình phạt, đại diện Viện kiểm sát đã xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo. Do đó, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Đối với quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trần Quốc B xin được giảm nhẹ hình phạt là có cơ sở, nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo Dương Chí H, Võ Thanh T, Phạm Trường A, Phạm Công T, Đặng Văn T, Trương Hoài N, Đặng Văn Tuấn K, Trần Quốc B, Phạm Văn S, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Đặng Hoàng C, Phạm Nhật Q phải nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Văn H là người cao tuổi, nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Dương Chí H, Võ Thanh T, Phạm Trường A, Phạm Công T, Đặng Văn T, Trương Hoài N, Đặng Văn Tuấn K, Trần Quốc B, Phạm Văn S, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Đặng Hoàng C, Phạm Nhật Q phạm tội “Đánh bạc”;

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Dương Chí H: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Võ Thanh T: 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.3 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Trường A: 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.4 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Phạm Công T: 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.5 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn T: 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.6 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trương Hoài N: 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.7 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn Tuấn K: 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.8 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 98; Điều 100 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc B: 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long nhận được bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Nhum trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

1.9 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn S (M): 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.10 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T: 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.11 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H: 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.12 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H (B): 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.13 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đặng Hoàng C: 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

1.14 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Nhựt Q (N): 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/9/2022.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời gian chịu thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo: Dương Chí H, Võ Thanh T, Phạm Trường A, Phạm Công T, Đặng Văn T, Trương Hoài N,

Đặng Văn Tuấn K, Trần Quốc B, Phạm Văn S, Phạm Văn T, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Đặng Hoàng C, Phạm Nhựt Q.

Miễn hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Quốc B.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 05 cặp cửa sắt, 01 cân đồng hồ loại 05kg.

Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 8.250.000đ (Tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Trả lại cho các bị cáo: Đặng Hoàng C 01 điện thoại di động hiệu OPPO, Phạm Trường A 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng đen.

Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Samsung của bị cáo Võ Thanh T.

Trả lại cho các bị cáo 05 xe mô tô gồm: Phạm Văn S 01 xe mô tô biển số 64M1-4370; Phạm Văn T 01 xe mô tô biển số 64F9-0922; Võ Thanh T 01 xe mô tô biển số 64B1-754.92; Phạm Trường A 01 xe mô tô biển số 64D1-328.65; Đặng Hoàng C 01 xe mô tô biển số 64DB-000.49.

Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T số tiền 20.400.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm ngàn đồng), bị cáo Phạm Trường A số tiền 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng), Võ Thanh T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), Đặng Hoàng C số tiền 550.000đ (Năm trăm năm mươi ngàn đồng).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm)

Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp số tiền 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Dương Chí H, Võ Thanh T, Phạm Trường A, Phạm Công T, Đặng Văn T, Trương Hoài N, Đặng Văn Tuấn K, Trần Quốc B, Phạm Văn S, Phạm Văn T, Đặng Hoàng C, Phạm Nhựt Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn H và bị cáo Nguyễn Văn H.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát huyện Vũng Liêm;
- Công an huyện Vũng Liêm;

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Các bị cáo;
- UBND xã T; UBND xã T1;
- UBND xã C; UBND xã B;
- UBND thị trấn C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Triệu Quốc Hiếu